

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+P6+P4	7:25	3+4+15	0+0+0		0+2+15	0+0+0	chuyen 2 p6- p4
2		PPD+P4+PPD	7:25	7+15+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 -ppd- p4
3		CLO+BK10+CLO	7:25	10+12+0	0+0+0		0+0+13	0+0+0	chuyen 1 clo- bk10
4		PPD+BK6+BK3	9:25	19+3+0	0+0		18+4+1	0+0	
5		P6+TTC1+P2	9:25	5+0+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 p6- ttc1
6		TD1+TD2+PPD	9:25	16+1+5	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
7		BK8+BK5+P2	11:25	8+7+7	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
8		RP3+BK14	11:25	22+0	0+0		18+2	0+0	
9		P4+P3+P1	11:25	14+8+0	0+0+0		5+0+10	0+0+0	chuyen 1 ng p4- p3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người P4 về đi Rp3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2022	TO: P7 - P6 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - N.ANH - Q.Trường	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG THANH TUNG	P7	19	1	4	40	70	KHOAN	Vietnamese
2	SICHINAVA GIORGI	P7	17	1	7		90	KHOAN	Russian
3	SOTRIVEX IGOR	P7	18	1	7		106	KHOAN	Russian
4	VU MINH TUONG	P6	25-26	2	18		76	DUY LINH	Vietnamese
5	VO QUANG HA	P6	21-22	2	18	40	70	DUY LINH	Vietnamese
6	HUYEN THANH HUU	P6	19-20	2	18		65	DUY LINH	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DAO	P6	23-24	2	18		76	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NAM	P4					65	KHI	Vietnamese
9	ZAGUDAIEV VITALI	P4	80	1	4		80	KHI	Russian
10	LE VAN HOAN	P4	74	1	3		65	KHI	Vietnamese
11	LE VAN MANH	P4	82	1	3		70	KHI	Vietnamese
12	VU NGOC TUAN	P4	70	1	6		80	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN HONG PHUC	P4	83	1	2		75	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN LE HUY	P4	73	1	3		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN MINH CANG	P4	75	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	TRINH XUAN HUYEN	P4	72	1	3		72	KHI	Vietnamese
17	PHAM QUOC DUY	P4	76	1	4	20	60	KHI	Vietnamese
18	TRAN VAN PHUC	P4	85	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	VU DINH CUONG	P4	71	1	4		76	KHI	Vietnamese
20	BUI QUANG HUY	P4	81	1	9		100	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN MINH DEC	P4	78-79	2	8		88	KHI	Vietnamese
22	DUONG DINH HIEN	P4	77	1	2		66	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	3	3	18	266	40	0		chuyen 02 pax tu p6 sang p4
2	P6	4	8	72	287	40	2		
3	P4	15	15	61	1.112	20	15		
TOTAL		22	26	151	1.665	100	17		
WEIGHT KG				151	1.665	100			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: PPD - P4 - PPD.	CREW: TUYỀN - NPhú - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	84	1	2	79	69	KHI	Vietnamese
2	VO THANH VE	PPD	90	1	9	35	68	BH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	83	1	5		77	KHI	Vietnamese
4	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	85	1	3		70	KHI	Vietnamese
5	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	88	1	5		74	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	82	1	6		74	KHI	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	89	1	3		69	KHI	Vietnamese
8	OVCHARENKO A. N.	P4	36	1	3	15	83	KH-THAC	Russian
9	LÊ QUANG VINH	P4	20	1	9		71	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN TRÚC	P4	37	1	6		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ HÙNG	P4	27	1	5		69	KHI	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN HAI	P4	28	1	11		65	KHI	Vietnamese
13	LÊ VĂN NHAN	P4	29-30	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	P4	25-26	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN PHI LONG	P4	23-24	2	25		70	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI ANH TUẤN	P4	35	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
17	KIỀU HẢI DƯƠNG	P4	78	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐINH ĐỨC THIÊN	P4	33-34	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC ANH	P4	31-32	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN KHẮC QUÝ	P4	21	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
21	PHƯƠNG THẾ TRUNG	P4	19	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐINH TRỌNG KIẾN	P4	22	1	14		69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	7	7	33	501	114	0+2		CHUYEN 2 PAX TU PPD-P4
2	P4	15	20	187	1,049	15	0		
3	PPD.	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		22	27	220	1.550	129	22		
WEIGHT KG				220	1.550	129			

GRAND TOTAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/09/2022	TO: CLO - BK10 - CLO.	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: KHOÀN - VThắng - PTUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DATSKO PAVEL	CLO	38	1	8		113	KHOAN	Russian
2	ĐOÀN MINH TRUNG	CLO	42-43	2	18		77	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ MINH TŨ	CLO	33	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	40	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	39	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỮU SƠN	CLO	44	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO THẠNH LIÊM	CLO	38	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TÂM	CLO	41	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC VIỆT	CLO	34-35	2	20		95	XAYLAP	Vietnamese
10	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	CLO	36	1	9		60	YTE	Vietnamese
11	PHAN HUY CƯỜNG	BK10	49-50	2	15		54	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC HÙNG	BK10	55	1	10	14	77	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ XUÂN HÒI	BK10	48	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT HÙNG	BK10	59-60	2	19		81	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HIỆU	BK10	65-66	2	13		71	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN HÙNG	BK10	53-54	2	10		71	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VIỆT HỮU	BK10	61-62	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN HỮU QUYNH	BK10	67-68	2	13	30	63	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN NIN	BK10	51-52	2	16		69	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN CÔNG	BK10	63-64	2	14		79	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN SỸ LỤC	BK10	47	1	10		76	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐO VĂN HOÀNG	BK10	57-58	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

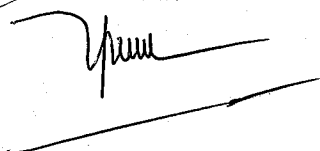
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	10	12	81	746	0	0 + 1		CHUYỂN 1 PAX TỪ CLO SANG BK10
2	BK10	12	21	165	836	44	0		
3	CLO.	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		22	33	246	1.582	44	13		
WEIGHT KG				246	1.582	44			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: PPD - BK6 - BK3	CREW: HUNG - N.ANH - Q.Trường	ETA: 11:20
XANH-2			

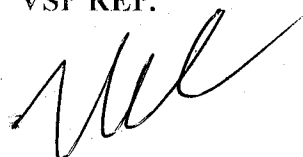
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	800	1	6		70	KHI	Vietnamese
2	TRINH VAN CUONG	PPD	29	1	6		68	KHI	Vietnamese
3	TRUONG HAI HA	PPD	38	1	3		65	KHI	Vietnamese
4	LE TRUNG LAN	PPD	99	1	4	40	80	KHI	Vietnamese
5	LE THANH TRUNG	PPD	25	1	3	80	65	KHI	Vietnamese
6	PHAM HOANG NGUYEN	PPD	31	1	5		60	KHI	Vietnamese
7	DOAN MANH TOAN	PPD	33	1	5		85	KHI	Vietnamese
8	LUONG MANH DUONG	PPD	32	1	5		60	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	70	1	3		70	KHI	Vietnamese
10	DO BINH KHIEM	PPD	27-28	2	12		78	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN DAI PHUC	PPD	98	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN DUNG	PPD	93-94	2	17		88	PVD	Vietnamese
13	DINH DUY LONG	PPD	24	1	10		70	PVD	Vietnamese
14	DINH QUANG HUY	PPD	96	1	13		60	PVD	Vietnamese
15	PHAM THAI BAO	PPD	95	1	13		76	PVD	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THUC	PPD	97	1	13		85	KHOAN	Vietnamese
17	ZHDANOV VLADIMIR NIKOLAEVICH	PPD	26	1	15		100	KHOAN	Russian
18	NGUYEN DUC THIET	BK6	32	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HAI	BK6	33	1	8	20	75	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN TRON MINH	BK6	34	1	4		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	19	135	1.246	120	17		
2	BK6	3	3	18	212	20	4		
3	BK3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	22	153	1.458	140	22		
WEIGHT KG				153	1.458	140			

GRAND TOTAL: 1.751 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2022	TO: P6 - TTC1 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TUYEN - NPhú - NNam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN LUONG	P6	29	1	8		58	DUY LINH	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG HIEU	P6	32	1	9		67	DUY LINH	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THU	P6	33-34	2	15		56	DUY LINH	Vietnamese
4	HUYNH DUC VU	P6	35	1	7		66	DUY LINH	Vietnamese
5	TRAN VAN LINH	P6	30-31	2	11		70	DUY LINH	Vietnamese
6	VO DUY TOAN	P2	52	1	4	20	63	KH-THAC	Vietnamese
7	DO VAN DANG	P2	53	1	5	100	68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH NAM	P2	92	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
9	DO HUU NGUYEN	P2	58	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HUNG	P2	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VAN NIN	P2	98	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THANH HIEN	P2	93	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LE ANH VU	P2	94	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN THAI	P2	55	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TAN QUAN	P2	08-09	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN DAT	P2	96	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN QUY TRUNG	P2	10	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LE SY VANG	P2	59	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
19	HU HUY QUYNH	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
20	DOAN MINH XANH	P2	56	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN CHI HUONG	P2	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LE HUNG CUONG	P2	95	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	5	7	50	317	0	0+2		CHUYEN 2 PAX P6-TTC1
2	TTC1	0	0	0	0	20	0		
3	P2	17	17	95	1.160	120	22		
TOTAL		22	24	145	1.477	140	22		
WEIGHT KG				145	1.477	140			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: TD1 - TD2 - PPD	CREW: CHIẾN - Linh - MQUÂN -	ETA: 11:30
VANG-2		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1	33	1	3	55	115	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN NHƯ BẢNG	TD1	99	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN DANH QUÝ	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
4	MAI VĂN HỘI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VĂN DUY	TD1	98	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
6	LE VĂN HOAN	TD1	60	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	57	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM MINH THẮNG	TD1	62	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	12	1	5		91	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD1	61	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HIẾU	TD1	05-06	2	8		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	58-59	2	6		77	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM HAI LONG	TD1	09	1	15		77	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	TD1	07	1	14		69	DVL	Vietnamese
15	VŨ VĂN TRUNG	TD1	10	1	10	18	74	DVL	Vietnamese
16	PHAN ĐĂNG TUÂN	TD1	08	1	12		61	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TOÀN	TD2	81	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐO XUÂN LỢI	PPD				40	78	KHI	Vietnamese
19	MAI ĐỨC CƯỜNG	PPD	49-50	2	10		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KHAI	PPD	47-48	2	9		54	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	PPD	45-46	2	20	31	71	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN NHƯ Y	PPD	51-52	2	10		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	16	16	99	1.220	73	12		
2	TD2	1	1	12	72	0	0		
3	PPD	5	8	49	338	71	10		
TOTAL		22	25	160	1.630	144	22		
WEIGHT KG				160	1.630	144			

GRAND TOAL: 1.934 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT: 07	TO: BK8 - BK5 - P2	CREW: HUNG - ĐNam - Vũ	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CÔNG LƯU	BK8	56	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PODYMOM DMITRY	BK8	58	1	6		140	KH-THAC	Russian
3	LÊ TÂN	BK8	55	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HẢI	BK8	61	1	7	40	67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TINH	BK8	57	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HẠM CHUNG	BK8	59	1	7		74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH KIẾT	BK8	60	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	57	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HUY	BK5	18	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN TRINH	BK5	95	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC THĂNG	BK5	17	1	7	50	75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUY BƯỞNG	BK5	19	1	14		56	XAYLAP	Vietnamese
13	VÔ TIẾN PHÁT	BK5	20-21	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	96	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	82	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN NAM	P2	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI QUANG DUY	P2	83	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH VĂN THUẬN	P2	86	1	8	20	67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BẢO TOÀN	P2	84	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN SƠN	P2	600	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	7	7	60	563	40	5		
2	BK5	7	8	63	488	50	4		
3	P2	7	6	32	487	20	13		
TOTAL		21	21	155	1.538	110	22		
WEIGHT KG				155	1.538	110			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2022	TO: RP3 - BK14	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:05
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - Huy	ETA: 13:45
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO DUY TIEN ✓	RP3	86	1	18	90	78	KH-THAC	Vietnamese
2	DUBOV ALEKSANDR V. ✓	RP3	73	1	7		95	KH-THAC	Russian
3	ĐANG HAI HA	RP3	05,412	2	22		75	KH-THAC	Vietnamese
4	KHARITONOV YURY ✓	RP3	72	1	7		76	KHI	Russian
5	PHAM NGOC HUNG ✓	RP3	87	1	8		81	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG TUAN	RP3					90	KHI	Vietnamese
7	HA VAN THUY ✓	RP3	07	1	4		71	KHI	Vietnamese
8	PHAM VAN KY ✓	RP3	10	1	3		66	KHI	Vietnamese
9	LE DUC VIET ✓	RP3	06	1	8		71	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CU ✓	RP3	12	1	4		58	KHI	Vietnamese
11	PHAM QUOC KIHANH	RP3	09	1	4		81	KHI	Vietnamese
12	VO DON LONG	RP3	88	1	7		74	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG NAM	RP3	89	1	3		63	KHI	Vietnamese
14	TRAN ANH QUANG	RP3	13	1	14		70	CODIEN	Vietnamese
15	LE SY QUY DUY	RP3	14-15	2	21		75	CODIEN	Vietnamese
16	TA PHI KHANH	RP3	11	1	2		70	KHI	Vietnamese
17	LAI VAN MINH ✓	RP3	08	1	4		64	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC MANH	RP3	82	1	6	72	74	KHI	Vietnamese
19	PHAM VAN QUAN	RP3	81	1	3		75	KHI	Vietnamese
20	PHAN HONG SON	RP3	85	1	3	13	62	T-TIN	Vietnamese
21	PHAM NGOC CHI	RP3	78	1	6		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN BA HIEP ✓	RP3	400	1	9		74	PVG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	23	163	1.603	175	20		
2	BK14	0	0	0	0	15	2		
TOTAL		22	23	163	1.603	190	22		
WEIGHT KG				163	1.603	190			

GRAND TOTAL: 1.956 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	TO: P4 - P3 - P1	CREW: CHIẾN - Linh - MQUÂN -	ETA: 13:50
XANH-3		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI CÔNG HÙNG	P4	31-32	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
2	LAI ĐĂNG ROONG	P4	29	1	6		67	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ QUANG KHAI	P4	39	1	7		65	PSV	Vietnamese
4	LÊ VĂN DUNG	P4	24-26	3	15		65	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ANH	P4	23	1	12		61	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HẠNH	P4	35-36	2	15		54	CODIEN	Vietnamese
7	ĐỖ VIỆT LONG	P4	27	1	11		61	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN ĐƯƠNG	P4	38	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
9	HA QUANG HUY	P4	37	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG PHONG	P4	34	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ TRUNG LAM	P4	33	1	4		65	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	30	1	4		74	KHI	Vietnamese
13	HOANG TRỌNG TÂN	P4	28	1	6	20	74	KHI	Vietnamese
14	HA QUANG TRUNG	P4	22	1	10	76	53	KHI	Vietnamese
15	PHAM VĂN VUI	P3	56-57	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NHẬT LINH	P3	58	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ HUY KHANH	P3	62-63	2	19		55	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG VĂN NAM	P3	61	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
19	HA VĂN NGHĨA	P3	59-60	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
20	CHU TIỀN CUÔNG	P3	64-65	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P3	66-67	2	14		76	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ TRỌNG HÙNG	P3	54-55	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	18	137	905	96	5+1		CHUYEN 1 PAX P4-P3
2	P3	8	14	125	535	0	0		
3	P1	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	32	262	1.440	96	15		
WEIGHT KG				262	1.440	96			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/09/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+BK20+TD2	7:25	14+1+7	0+0+0		11+2+9	0+0+0	chuyen 2 ctk3-bk20
2		TTC2+P7+P3	7:25	2+16+0	0+0+0		2+18+0	0+0+0	chuyen 1 p7-p3
3		RP2+TD2	7:25	12+10	0+0		5+17	0+0	
4		BK9+PVD6+BK21	7:25	7+14+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
5		CTK3+CNV+PPD	9:25	6+2+14	0+0+0		6+0+16	0+0+0	
6		P4+P5+PPD	9:25	2+12+8	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
7		VSP02+BK16+MRM	9:25	10+5+4	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
8		P6-CL+VSP02	9:25	21+0+1	0+0+0		10+8+0	0+0+0	
9		RP3+GTCL+CLI	11:25	7+8+7	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
10		P11+P2+CTK3	11:25	2+11+9	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
11		P5+P8+PVD6	11:25	13+1+6	0+0+0		1+11+10	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/1 nguoi BK21 về đi P6; CHUYEN CTK3-BK20-TD2 SƯ CỎ ĐÔNG CỎ TẠI CTK3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/09/2022	TO: CTK3 - BK20 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - XTrường - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TAT THANG	CTK3	22	1	3		64	YTE	Vietnamese
2	PHAM MINH TUAN	CTK3	23-24	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM THANH HAI	CTK3	77-78	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUC	CTK3	76	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TO TRONG TUAN	CTK3	79	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEU	CTK3	88	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN HUU DUONG	CTK3	82	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO DINH THAM	CTK3	85	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH VAN THONG	CTK3	80-81	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANG	CTK3	100	1	4	30	70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN DIEM	CTK3	75	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG MAN	CTK3	83	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG QUOC BAO	CTK3	86-87	2	8		61	KH-THAC	Vietnamese
14	VO MAU MEN	CTK3	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CUONG	BK20	26-27	2	8		50	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HAI	TD2	79	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
17	BUI HUU HONG	TD2					87	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN ANH TUAN	TD2					66	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH BINH	TD2	80	1	7	70	76	KHOAN	Vietnamese
20	BUI TRUNG THO	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN THANH TUNG	TD2	600	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN GIA THAO	TD2	77-78	2	11		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	18	89	955	30	11	2	CHUYEN 2 PAX TU CTK3 SANG BK20
2	BK20	1	2	8	50	0	2		
3	TD2	7	5	26	481	70	9		
TOTAL		22	25	123	1486	100	22		
WEIGHT KG				123	1486	100			

GRAND TOTAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 12:15
FLIGHT:	TO: CTK3 - BK20 - TD2	CREW: CHIÊN - KHOÀN - PTUÂN	ETA: 14:15

ROUTE: VT - CTK3 - BK20 - TD2 - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY	
						PCS	KGS	W.T	
SECTOR 1: VT - CTK3									
1	NIL PAX					0	0		
2	CHUYEN 2 PAX TU CTK3 SANG BK20					0	0		
3	CHUYEN 7 PAX TU CTK3 SANG TD2					0	0		
	PAX OUT	0		PAX IN	11	WT:	0	0	0
SECTOR 2: VT - BK20									
4	NIL PAX					0	0		
	PAX OUT	0		PAX IN	2	WT:	0	0	0
SECTOR 3: VT - TD2									
5	NIL PAX					0	0		
	PAX OUT	0		PAX IN	9	WT:	0	0	0
	TOTAL	0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					

REMARK :

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

PAX.WEIGHT	0
BAG.WEIGHT	0
CARGO WEIGHT	0
TOTAL	0

FINISHED: 00:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/09/2022	TO: TTC2 - P7 - P3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHU - Hạnh - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN TUAN	TTC2				35	54	KH-THAC	Vietnamese
2	LE PHUONG	TTC2	17	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN BA LUONG	P7				20	70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC LAM	P7	10-11	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN XUAN	P7	13	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
6	VO VAN HUNG	P7	01	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU NAM	P7	07	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN LE KIEN	P7	06	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HAO	P7	98-99	2	8		85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CHAN	P7	05	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUOC TUAN	P7	02	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HUY HUNG	P7	03-04	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN TUAN LONG	P7	08	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN QUANG	P7	12	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LOI	P7	96-97	2	22	30	65	DVL	Vietnamese
16	PHAN VINH TRUONG	P7	800	1	10		68	DVL	Vietnamese
17	DAU CONG SAU	P7	14	1	4		83	PSV	Vietnamese
18	PHAN THANH NAM	P7	09	1	12		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	2	1	5	109	35	2		CHUYEN 1 PAX P7-P3
2	P7	16	19	112	1.140	50	18		
3	P3	0	0	0	0	30	0		
TOTAL		18	20	117	1.249	115	20		
WEIGHT KG				117	1.249	115			

GRAND TOTAL: 1.481 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: RP2 - TD2	CREW: HUNG - NPhú - DTùng	ETA: 09:15
cam-1			

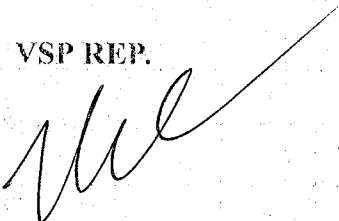
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH QUANG DUNG	RP2	83-84	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO NGUYỄN DU MAC	RP2	97	1	15	57	60	XAYLAP	Vietnamese
3	VU QUỐC HIUY	RP2	87	1	17		72	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN Y	RP2	01	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN LỢI	RP2	89-90	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN GIÁP	RP2	95-96	2	18	22	70	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ LÊ SƠN	RP2	91-92	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN LAM	RP2	94	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
9	VÔ TÁ HOÀN	RP2	02-03	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG ĐỊNH	RP2	99,600	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY DUONG	RP2	56	1	18		72	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TUÂN NGỌC	RP2	85-86	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM DINH THUYẾT	TD2	63	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM SỸ NGỌC MINH	TD2	67	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ QUANG ĐÀO	TD2	61-62	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG CUONG	TD2	65	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	VANEEV DMITRIY	TD2	64	1	10		95	KHOAN	Russian
18	KARIMOV TAGIR G.	TD2	68-69	2	18		90	D-HANH	Russian
19	NGUYỄN MẠNH HOÀN	TD2	66	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG ANH	TD2	60	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
21	ĐỖ TIẾN DUNG	TD2	70	1	5		65	DVL	Vietnamese
22	ĐÀU VĂN XUÂN	TD2	71	1	5		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	12	19	205	815	79	4		
2	TD2	10	12	82	732	0	17		
TOTAL		22	31	287	1,547	79	21		
WEIGHT KG				287	1,547	79			

GRAND TOTAL: 1.913 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:43
FLIGHT: 4	TO: BK9 - PVD6 - BK21	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 09:25
TRANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DUY TRỌNG	BK9	10	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM ĐỀ	BK9	01	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TRUNG	BK9	02	1	5	22	68	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ HỒNG PHONG	BK9	11-12	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ CÔNG THỜI	BK9	08-09	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG LUÂN	BK9	04-05	2	18	20	58	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI KHÁC THUY	BK9	06	1	7	15	64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TUẤN	PVD6	06	1	6		57	PVD	Vietnamese
9	LÊ QUANG ĐẠO	PVD6	31	1	5		62	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG MINH	PVD6	02-03	2	18		74	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN NHƯ CHIẾN	PVD6	07	1	6		60	PVD	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN QUÂN	PVD6	08	1	9		67	PVD	Vietnamese
13	TRẦN QUANG KHAI	PVD6	09	1	5		70	PVD	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN HÙNG	PVD6	27	1	6		65	PVD	Vietnamese
15	LAM QUANG HIỆP	PVD6	29	1	5		77	PVD	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THAI	PVD6	30	1	15		75	PVD	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD6	28	1	9		66	PVD	Vietnamese
18	TRẦN VIỆT NAM	PVD6	26	1	4		72	PVD	Vietnamese
19	LÊ HOANG THI	PVD6	05	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ NGỌC LUÂN	PVD6	01	1	10		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	7	10	85	458	57	0		
2	PVD6	13	14	105	880	0	18		
3	BK21	0	0	0	0	30	4		
TOTAL		20	24	190	1.338	87	22		
WEIGHT KG				190	1.338	87			

GRAND TOAL: 1.615 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:00
FLIGHT: 5	TO: CTK3 - CNV - PPD	CREW: HUNG - Mạnh - THU - <i>Tú</i>	ETA: 16:30
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH KHOAT	CTK3	16	1	5	20	75	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HOANG LONG	CTK3	12	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
3	LUYEN VAN THIEU	CTK3	11	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRUNG KIEN	CTK3	17	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	10	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	15	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
7	LE DUC TIEN	CNV	52	1	11	60	115	CODIEN	Vietnamese
8	ĐANG TUAN ANH	CNV	51	1	10	35	88	CODIEN	Vietnamese
9	LE QUANG NINH	PPD	76	1	4	40	67	KHI	Vietnamese
10	VU DUC HOANG	PPD	75	1	6		66	KHI	Vietnamese
11	PHAN VAN THANG	PPD	67	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG SON	PPD	81	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN PHONG	PPD	80	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN QUY	PPD	68	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH BINH	PPD	79	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
16	TUONG ANH CAC	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN TAN	PPD	69	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MINH HAI	PPD	71-72	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
19	LUU VIET DUNG	PPD	77-78	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN MANH	PPD	73	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
21	TO THIEN THANH	PPD	74	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
22	TRUONG TUAN HUNG	PPD	70	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	6	6	35	440	20	6		
2	CNV	2	2	21	203	95	0		
3	PPD	14	15	78	980	40	16		
TOTAL		22	23	134	1.623	155	22		
WEIGHT KG				134	1.623	155			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P4 - P5 - PPD	CREW: VTHU - Hạnh - thông	ETA: 11:30
VANG-2			

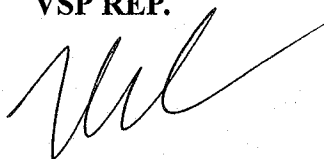
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IMAEV V.	P4	16	1	7		75	KHI	Russian
2	LÊ MẠNH HÙNG	P4	15	1	6	25	70	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P5	66	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TUYẾT	P5	71	1	16		74	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HOAN	P5	73-74	2	18		84	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	P5	76-77	2	18		65	DVL	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐAM	P5	72	1	10		68	DVL	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN CHUNG	P5	65	1	17		75	DVL	Vietnamese
9	VŨ ANH TRỌNG	P5	75	1	11		66	DVL	Vietnamese
10	BUI NGOC NAM	P5	78-79	2	14		66	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THOÔNG	P5	69-70	2	18		59	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NGOC GIAP	P5	80	1	5	17	60	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC THỌ	P5	67-68	2	14		68	XAYLAP	Vietnamese
14	K LỖ	PPD	800	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THANH QUANG	PPD	89	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	95	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGOC DU	PPD	96	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	97	1	4	40	70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HẢI	PPD	99	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH BÀ NINH	PPD	98	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGOC TUÂN	PPD	92	1	10		84	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

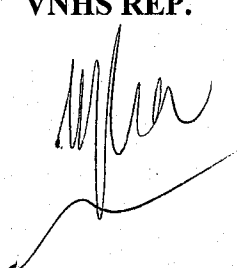
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	2	2	13	145	25	0		
2	P5	11	16	153	767	17	7		
3	PPD	8	8	44	576	40	15		
TOTAL		21	26	210	1.488	82	22		
WEIGHT KG				210	1.488	82			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

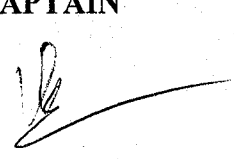
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/09/2022	TO: VSP02 - BK16 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HƯNG - NPhú - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIEU MINH QUYẾT	VSP02	01	1	5		67	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN HUY THÔNG	VSP02	10-11	2	12		64	SHINTRACK	Vietnamese
3	HỒ VĂN THÔNG	VSP02	04	1	10	60	80	SHINTRACK	Vietnamese
4	TRƯỜNG ANH HUYEN	VSP02	12-13	2	12	10	80	SHINTRACK	Vietnamese
5	LÂM KÝ	VSP02	02-03	2	18		75	SHINTRACK	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG BANG	VSP02	05	1	5		68	SHINTRACK	Vietnamese
7	TRẦN HỮU AI	VSP02	08-09	2	15		60	SHINTRACK	Vietnamese
8	NGUYEN BAO KHANH	VSP02	66-67	2	18		65	SHINTRACK	Vietnamese
9	HOANG VAN DE	VSP02					70	SHINTRACK	Vietnamese
10	NGUYEN HIẾU TRUNG	BK16	59	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯU VĂN SƠN	BK16	63	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VĂN LIÊU	BK16	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HÀ	BK16	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VĂN UỐC	BK16	62	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	HUYNH VU TINH	MRM	67	1	15		65	DVL	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TUÔNG	MRM	64	1	10		80	DVL	Vietnamese
17	PHAN THIEN SƠN	MRM	69	1	10	15	72	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VĂN MẠNH	MRM	65-66	2	18		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	9	13	95	629	70	13		
2	BK16	5	5	27	355	0	5		
3	MRM	4	5	53	282	15	4		
TOTAL		18	23	175	1.266	85	22		
WEIGHT KG				175	1.266	85			

GRAND TOTAL: 1.526 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 08	TO: P6 - CLI - VSP02	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 11:35
TRANG-2			

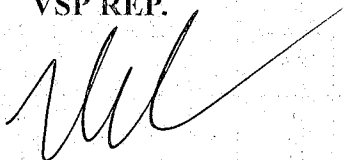
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH HOAI NAM	P6	36	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN HIEP	CLI	80	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
3	TRUONG HIEN	CLI	82	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
4	DOKUCHAEV V. L.	CLI	53	1	15		97	KH-THAC	Russian
5	KHIVANZHAN R. I.	CLI	77-78	2	13		77	KH-THAC	Russian
6	VU MINH TIEN	CLI	88	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET HOA	CLI	50	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN ANH VIET	CLI	54-55	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC NGHI	CLI	57	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN KHANH	CLI	85	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG QUOC VIET	CLI	89	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN TRUONG	CLI	87	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC SON	CLI	58	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH TRONG KIM	CLI	51-52	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
15	DO VAN DOAN	CLI	79	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
16	MAI PHUC LINH	CLI	86	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN MINH DUY	CLI	76	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI NGOC THIET	CLI	83	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN DU	CLI	81	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN NHAN	CLI	56	1	3	50	72	KH-THAC	Vietnamese
21	VU HAI DANG	CLI	59	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH LONG	CLI	84	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

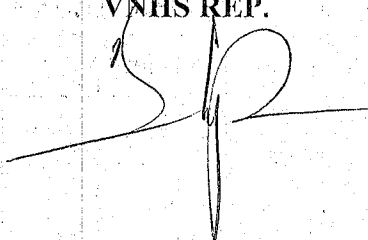
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	1	1	10	75	0	0		
2	CLI	21	24	164	1.536	50	10		
3	VSP02	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		22	25	174	1.611	50	22		
WEIGHT KG				174	1.611	50			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

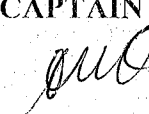
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/09/2022	TO: RP3 - GTC1 - CLI	AIRCRAFT: 846	ETD: 10:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: CHIẾN - XHOÀN - PTUẤN	ETA: 11:30
NAU-2			

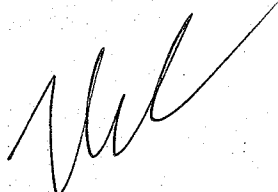
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TUAN ANH	RP3	05-06	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
2	MAI TRỌNG HAI	RP3	10	1	15	35	67	XAYLAP	Vietnamese
3	DƯƠNG VĂN TUẤN	RP3	01,11	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI DUY TÂN	RP3	03-04	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG THAI TAI	RP3	98-99	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VIET LỘC	RP3	02,800	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
7	VU QUỐC VƯƠNG	RP3	07-09	3	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	DƯƠNG CHI TUYEN	GTC1	66	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU TAN	GTC1	63	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HONG MINH	GTC1	64	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
11	DANG TRAN KHANH	GTC1	65	1	5	15	70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN TIEN TRUONG	GTC1	60-61	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	HỒ THẾ ANH	GTC1	60-61	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG VĂN MẠNH	GTC1	58-59	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
15	LE QUANG HA	GTC1	62	1	7		75	PSV	Vietnamese
16	TRAN MINH DUC	CLI	67-68	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN THIEN PHUOC	CLI	69	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN PHUONG NAM	CLI	64	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LAI TUAN ANH	CLI	70-71	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN BAO ANH	CLI	72	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
21	ROGINSKIY DMITRY	CLI	63	1	10		90	ANTOAN	Russian
22	NGUYEN DOAN BINH	CLI	65-66	2	10		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

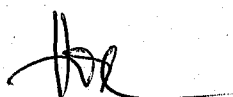
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	7	14	103	485	35	0		
2	GTC1	8	11	88	572	15	7		
3	CLI	7	10	72	525	0	15		
TOTAL		22	35	263	1.582	50	22		
WEIGHT KG				263	1.582	50			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/09/2022	TO: P11 - P2 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - KHAI - thông	ETA: 13:50
HONG-3			

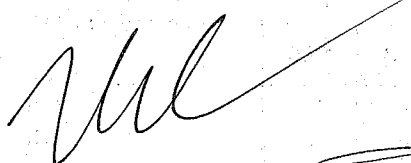
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH HUNG	P11	58	1	15		80	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH DANH	P11	57	1	12		56	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN DOAN HUONG	P2	03-04	2	9		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN MINH THANG	P2	10-11	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN THONG	P2	09	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM NGOC DINH	P2	16-18	3	20	60	84	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI CONG THANH	P2	12-13	2	15		79	XAYLAP	Vietnamese
8	DUONG DANG CUONG	P2	19-20	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG TRUNG	P2	21-22	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
10	CAO MINH CUONG	P2	14-15	2	17		87	XAYLAP	Vietnamese
11	DINH QUANG SON	P2	01-02	2	20		56	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN DUC ANH	P2	05-06	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
13	DO TRONG LUONG	P2	07-08	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
14	LE CHI CONG	CTK3	05-06	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI THANH HOAT	CTK3	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VU TRONG NGHIA	CTK3	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DUC BAU	CTK3	04	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
18	LE DUC HIEP	CTK3	03	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN NHUAN	CTK3	01	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PANKRATOV ARKADIY	CTK3	38	1	15	20	102	ANTOAN	Russian
21	PHAM PHI LONG	CTK3	08	1	8		74	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN QUANG	CTK3	09	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

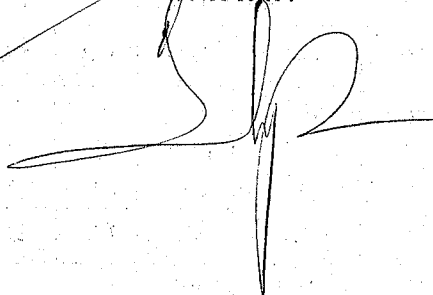
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	2	2	27	136	0	0		
2	P2	11	22	184	791	60	2		
3	CTK3	9	10	69	664	20	20		
TOTAL		22	34	280	1.591	80	22		
WEIGHT KG				280	1.591	80			

GRAND TOAL: 1.951 KGS

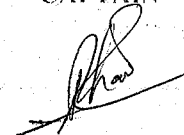
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/09/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:05
FLIGHT: 11	TO: P5 - P8 - PVD6	CREW: HUNG - Mạnh - THỤ - Tú	ETA: 13:45
VANG-3			

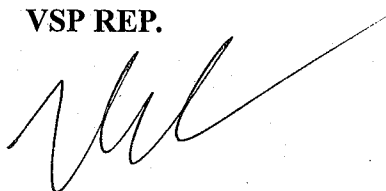
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN LONG	P5	83	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	P5	84	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐINH VŨ TIẾN	P5	91	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG QUYNH	P5	85-86	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	P5	94	1	8	15	72	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ MẠNH DŨNG	P5	88	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	HUYNH ĐỨC TÂM	P5	89	1	8	20	60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SƠN	P5	87	1	18		85	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LONG	P5	96	1	15	15	67	XAYLAP	Vietnamese
10	LE NGUYEN HUY HOAN	P5	97-98	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC VIỆT	P5	92	1	7	15	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY QUY	P5	82	1	6		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC CUONG	P5	90	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
14	HUYNH DUC NGHI	P5	700	1	10		65	PSV	Vietnamese
15	TRẦN NAM THĂNG	P8	42	1	16		100	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN VINH	PVD6	38	1	11		90	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	PVD6	36-37	2	18		72	DVL	Vietnamese
18	LÊ PHÚ PHÚC	PVD6	35	1	8		82	DVL	Vietnamese
19	MULNYUCHKIN V.V.	PVD6	34	1	14		95	DVL	Russian
20	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	PVD6	33	1	5		58	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUÂN	PVD6	32	1	6		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

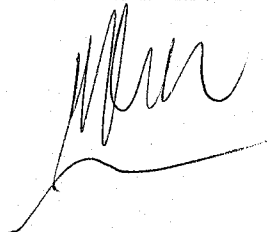
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	14	16	170	969	65	1		
2	P8	1	1	16	100	0	11		
3	PVD6	6	7	62	459	0	10		
TOTAL		21	24	248	1.528	65	22		
WEIGHT KG				248	1.528	65			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

